

Quan Triều, ngày 04 tháng 8 năm 2022

CÔNG KHAI THUYẾT MINH
Công khai số liệu và thuyết minh tình hình thực hiện quyết toán ngân sách
phường Quan Triều năm 2021

Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương năm 2015;

Căn cứ Luật ngân sách Nhà nước năm 2015;

Căn cứ Nghị định 163/2016/TT-BTC ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật NSNN;

Căn cứ Thông tư 343/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách Nhà nước đối với các cấp ngân sách;

Căn cứ Nghị quyết số 25/NQ-HĐND ngày 01/08/2022 của HĐND phường Quan Triều về việc phê chuẩn quyết toán ngân sách phường Quan Triều năm 2021.

UBND phường thực hiện công khai số liệu và thuyết minh tình hình thực hiện quyết toán ngân sách phường năm 2021 như sau:

1. Thu ngân sách năm 2021:

- Các khoản thu hưởng điều tiết đạt 1.683.112.045 đồng/1.435.000.000 đồng = 117,29% dự toán. Trong đó, một số khoản thu đạt tỷ lệ cao như thu lệ phí trước bạ nhà đất đạt 132,74%, thuế sử dụng đất phi nông nghiệp 113,85%; thuế thu nhập cá nhân 140,11% dự toán...

- Thu các loại quỹ hoạt động tài chính khác: 181.165.000 đồng.

2. Chi ngân sách năm 2021:

Tổng chi thường xuyên ngân sách đạt 7.117.541.608 đồng/7.119.031.000 đồng = 99,98% dự toán.

Chi đầu tư xây dựng cơ bản đạt 530.239.000 đ/969.709.000đ = 54,68%

Chi các quỹ tài chính khác 190.565.000 đồng

3. Đánh giá tình hình thực hiện dự toán thu - chi ngân năm 2021:

Có được kết quả thu - chi ngân sách trên là do ngay từ đầu năm 2021 UBND phường đã xây dựng kế hoạch phát triển kinh tế xã hội và dự toán ngân sách năm 2021 theo đúng thời gian quy định, đảm bảo việc thực hiện nhiệm vụ ngay từ đầu năm. Hàng tháng họp đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ của tháng, của quý và đề ra phương hướng, giải pháp để thực hiện nhiệm tiếp theo của năm.



Đảng ủy, HĐND - UBND cùng các ban ngành đoàn thể tiếp tục thực hiện đồng bộ các giải pháp tiết kiệm chi tiêu, chống thất thu ngân sách, thực hiện cải cách hành chính đã tạo điều kiện thực hiện tốt dự toán ngân sách được giao.

Tuy nhiên, bên cạnh những kết quả đã đạt được, trong năm 2021 công tác tài chính - ngân sách của phường Quan Triều gặp phải một số khó khăn như: Nhận thức của người dân về việc tự kê khai và kê khai nghĩa vụ nộp thuế trong hoạt động sản xuất kinh doanh chưa cao như thuế vận tải, thuế xây dựng ...

Trong năm 2021, UBND phường thực hiện các khoản chi thường xuyên bám sát so với dự toán đầu năm, thanh toán đầy đủ, kịp thời các khoản chi theo chế độ chính sách của nhà nước, bổ sung kịp thời các khoản bổ sung có mục tiêu để chi trả cho các nhiệm vụ đảm bảo không bị nợ đọng. Nói chung, năm 2021 đảm bảo các nhiệm vụ chính trị, kinh tế - xã hội, quốc phòng - an ninh ở địa phương.

KẾ TOÁN



Nguyễn Thị Phương

CHỦ TỊCH UBND



Trần Thái Hòa



Số: *66* /QĐ-UBND

Quan Triều, ngày *04* tháng 08 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

V/v công khai quyết toán ngân sách năm 2021 của phường Quan Triều

ỦY BAN NHÂN DÂN PHƯỜNG QUAN TRIỀU

Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật tổ chức chính phủ và Luật tổ chức chính quyền địa phương năm 2019;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước năm 2015 và các văn bản hướng dẫn thi hành;

Căn cứ Thông tư số 343/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với các cấp ngân sách;

Căn cứ vào Nghị quyết số 25/NQ-HĐND ngày 01/8/2022 của HĐND phường Quan Triều, khóa X nhiệm kỳ 2021-2026 về việc phê chuẩn quyết toán Ngân sách năm 2021;

Xét đề nghị của Bộ phận kế toán tài chính phường;

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công khai số liệu quyết toán ngân sách năm 2021 của phường Quan Triều với nội dung cụ thể như sau:

(Có các biểu kèm theo Quyết định này)

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Văn phòng HĐND&UBND phường, Bộ phận kế toán tài chính tổ chức thực hiện Quyết định này./.

Nơi nhận:

- UBND Thành phố;
- Phòng Tài chính Kế hoạch TP;
- TT Đảng ủy; TT HĐND phường;
- TT UB MTTQ và các ban ngành đoàn thể phường;
- Các tổ dân phố trên địa bàn phường;
- Lưu: VT, KT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Trần Thái Hòa

BIỂU CÂN ĐỐI QUYẾT TOÁN NGÂN SÁCH XÃ NĂM 2021

Đơn vị: đồng



Nội dung thu	Thực hiện	Nội dung chi	Thực hiện
Tổng thu ngân sách xã	7.649.280.030	Tổng chi ngân sách xã	7.647.790.608
A - Thu ngân sách xã đã qua kho bạc	7.649.280.030	A - Chi ngân sách xã đã qua Kho bạc	7.647.790.608
I - Các khoản thu 100%	879.402.821	I - Chi đầu tư phát triển	530.239.000
1 - Phí, lệ phí	60.550.000	1 - Chi đầu tư XDCB	530.239.000
2 - Thu từ quỹ đất công ích và đất công		2 - Chi sửa chữa, mua sắm tài sản	
3 - Đóng góp của nhân dân theo quy định		II - Chi thường xuyên	6.478.315.399
4 - Đóng góp tự nguyện của các tổ chức, cá nhân trong và ngoài	355.029.000	1 - Chi công tác dân quân tự vệ, an ninh trật tự	821.248.466
5 - Thu kết dư ngân sách năm trước	260.393.821	- Chi dân quân tự vệ	474.340.466
6 - Thu khác	203.430.000	- Chi an ninh trật tự	346.908.000
II - Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ phần trăm (%)	1.622.562.045	2 - Sự nghiệp giáo dục	
1 - Thuế thu nhập cá nhân hộ		3 - Sự nghiệp y tế	
3 - Thuế môn bài thu từ cá nhân, hộ kinh doanh	80.900.000	4 - Sự nghiệp Văn hóa thông tin	40.000.000
4 - Lệ phí trước bạ nhà, đất	232.298.940	5 - Hoạt động Thể dục thể thao	50.410.000
5 - Thuế giá trị gia tăng	402.125.098	6 - Sự nghiệp kinh tế	18.056.000
6 - Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	136.623.285	- SN giao thông	
7 - Thuế thu nhập cá nhân đất	770.614.722	- SN nông - lâm - thủy lợi - hải sản - chăn nuôi	18.056.000
III - Thu bổ sung ngân sách từ cấp trên	4.421.755.000	- SN thị chính	
1 - Thu bổ sung cân đối từ ngân sách cấp trên	3.048.594.000	- Thương mại, dịch vụ	
2 - Thu bổ sung có mục tiêu từ ngân sách cấp trên	1.373.161.000	7 - Sự nghiệp xã hội	727.422.000
IV - Viện trợ không hoàn lại trực tiếp cho xã (nếu có)		- Hưu xã thôi việc và trợ cấp khác	45.504.000
V - Thu chuyển nguồn	725.560.164	- Già trẻ cô đơn, thôi việc và trợ cấp khác	161.918.000
B - Thu ngân sách xã chưa qua kho bạc		- Chi đối tượng chính sách người có công	520.000.000
		8 - Chi sự nghiệp môi trường	
		9 - Chi xây dựng đời sống khu dân cư, gia đình	
		10 - Chi quản lý Nhà nước, Đảng, Đoàn thể	4.821.178.933
		Trong đó: Quỹ lương	
		10.1 - Quản lý Nhà nước	2.534.836.253
		10.2 - Hội đồng nhân dân	882.861.454

Nội dung thu	Thực hiện	Nội dung chi	Thực hiện
		10.3 - Đảng	564.984.442
		10.4 - Mặt trận tổ quốc Việt Nam	272.116.510
		10.5 - Đoàn thanh niên cộng sản HCM	119.880.842
		10.6 - Hội liên hiệp Phụ nữ	152.120.926
		10.7 - Hội nông dân Việt Nam	106.908.006
		10.8 - Hội cựu chiến binh	76.793.300
		10.9 - Hội chữ thập đỏ	32.720.400
		10.10 - Hội người cao tuổi	29.680.800
		10.11 - Hội khuyến học	16.092.000
		10.12 - Hội TNXP, NNCĐDC, Đông y	32.184.000
		12 - Chi khen thưởng	
		III - Dự phòng	
		IV - Chi chuyển nguồn năm sau	639.236.209
		B - Chi ngân sách xã chưa qua Kho bạc	0
		Tạm ứng XDCCB	
		Tạm chi	0
Kết dư ngân sách:			1.489.422



BIỂU QUYẾT TOÁN THU NGÂN SÁCH XÃ NĂM 2021

Đơn vị tính: đồng

	Nội dung	Dự toán năm		Quyết toán năm		(% So sánh QT/DT	
		Thu NSNN	Thu NSX	Thu NSNN	Thu NSX	Thu NSNN	Thu NSX
	B	1	2	3	4	5	6
	Tổng thu ngân sách xã	10.118.708.985	7.108.708.985	10.396.021.307	7.649.280.030	102,74%	107,60%
I	Thu ngân sách xã đã qua kho bạc	10.118.708.985	7.108.708.985	10.396.021.307	7.649.280.030	102,74%	107,60%
1	Các khoản thu 100%	681.393.821	681.393.821	964.722.732	960.302.821	141,58%	140,93%
	Phí, lệ phí	60.000.000	60.000.000	60.550.000	60.550.000	100,92%	100,92%
	Thu từ quỹ đất công ích và đất công						
	Thu từ hoạt động kinh tế và sự nghiệp						
	Đóng góp của nhân dân theo quy định						
	Đóng góp tự nguyện của các tổ chức, cá nhân			355.029.000	355.029.000		
	Thu kết dư ngân sách năm trước	260.393.821	260.393.821	260.393.821	260.393.821	100,00%	100,00%
	Phí môn bài thu từ cá nhân, hộ kinh doanh	95.000.000	95.000.000	80.900.000	80.900.000	85,16%	85,16%
	Thu khác	266.000.000	266.000.000	207.849.911	203.430.000	78,14%	76,48%
2	Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ phần trăm (%)	4.290.000.000	1.280.000.000	4.283.983.411	1.541.662.045	99,86%	120,44%
	Thuế thu nhập cá nhân hộ	1.150.000.000		664.492.749		57,78%	
	Tiền thuê đất						
	Lệ phí trước bạ nhà, đất	350.000.000	175.000.000	464.597.864	232.298.940	132,74%	132,74%
	Thuế VAT - TNDN	1.450.000.000	435.000.000	1.340.416.812	402.125.098	92,44%	92,44%
	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	240.000.000	120.000.000	273.246.559	136.623.285	113,85%	113,85%

	Nội dung	Dự toán năm		Quyết toán năm		(% So sánh QT/DT)	
		Thu NSNN	Thu NSX	Thu NSNN	Thu NSX	Thu NSNN	Thu NSX
	B	1	2	3	4	5	6
	Thuế thu nhập cá nhân đất	1.100.000.000	550.000.000	1.541.229.427	770.614.722	140,11%	140,11%
3	Thu bổ sung ngân sách từ cấp trên	4.421.755.000	4.421.755.000	4.421.755.000	4.421.755.000	100,00%	100,00%
	Thu bổ sung cân đối từ ngân sách cấp trên	3.048.594.000	3.048.594.000	3.048.594.000	3.048.594.000	100,00%	100,00%
	Thu bổ sung có mục tiêu từ ngân sách cấp trên	1.373.161.000	1.373.161.000	1.373.161.000	1.373.161.000	100,00%	100,00%
4	Viện trợ không hoàn lại trực tiếp cho xã (nếu có)						
5	Thu chuyển nguồn	725.560.164	725.560.164	725.560.164	725.560.164	100,00%	100,00%
6	Thu ngân sách xã chưa qua kho bạc						



TỔNG HỢP QUYẾT TOÁN CHI NGÂN SÁCH XÃ NĂM 2021

(Ban hành kèm theo Thông tư số 344/2016/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Bộ Tài chính)

Đơn vị: đồng

Nội dung	Dự toán			Quyết toán			So sánh(%)		
	Tổng số	ĐTPT	TX	Tổng số	ĐTPT	TX	Tổng số	ĐTPT	TX
1	2	3	4	5	6	7	8=5/2	9=6/3	10=7/4
Tổng chi ngân sách xã	8.088.740.030	969.709.000	7.119.031.030	7.647.780.608	530.239.000	7.117.541.608	94,55%	54,68%	99,98%
Chi ngân sách xã đã qua Kho bạc	8.088.740.030	969.709.000	7.119.031.030	7.647.780.608	530.239.000	7.117.541.608	94,55%	54,68%	99,98%
Chi công tác dân quân tự vệ, an ninh trật tự	821.494.000	0	821.494.000	821.248.466	0	821.248.466	99,97%		99,97%
- Chi dân quân tự vệ	474.494.000	0	474.494.000	474.340.466	0	474.340.466	99,97%		99,97%
- Chi an ninh trật tự	347.000.000	0	347.000.000	346.908.000	0	346.908.000	99,97%		99,97%
Sự nghiệp giáo dục	0	0	0	0	0	0			
Sự nghiệp y tế	0	0	0	0	0	0			
Sự nghiệp Văn hóa thông tin	40.000.000	0	40.000.000	40.000.000		40.000.000	100%		100%
Hoạt động Thể dục thể thao	50.470.000	0	50.470.000	50.410.000	0	50.410.000	99,88%		99,88%
Sự nghiệp kinh tế	987.765.000	969.709.000	18.056.000	548.295.000	530.239.000	18.056.000	55,51%	54,68%	100%
- SN giao thông	969.709.000	969.709.000	0	530.239.000	530.239.000	0	54,68%	54,68%	
- SN nông - lâm - thủy lợi - hải sản - chăn nuôi	18.056.000	0	18.056.000	18.056.000	0	18.056.000	100%		100%
- SN thị chính	0	0	0	0	0	0			
- Thương mại, dịch vụ	0	0	0	0	0	0			
Sự nghiệp xã hội	727.422.000	0	727.422.000	727.412.000	0	727.412.000	100%		100%
- Hưu xã thôi việc và trợ cấp khác	45.504.000	0	45.504.000	45.504.000		45.504.000	100%		100%
- Già trẻ cô đơn, thôi việc và trợ cấp khác	161.918.000	0	161.918.000	161.908.000	0	161.908.000	99,99%		99,99%
- Chính sách và hoạt động phục vụ người có công với Cách mạng	520.000.000		520.000.000	520.000.000	0	520.000.000	100%		100%
Chi quản lý Nhà nước, Đảng, Đoàn thể	4.822.352.821	0	4.822.352.821	4.821.178.933	0	4.821.178.933	99,98%		99,98%
Trong đó: Quỹ lương	0	0	0	0	0				
Quản lý Nhà nước	2.535.175.621		2.535.175.621	2.534.836.253		2.534.836.253	99,99%		99,99%
Hội đồng nhân dân	883.500.000	0	883.500.000	882.861.454	0	882.861.454	99,93%		99,93%
Đảng	565.000.000	0	565.000.000	564.984.442	0	564.984.442	100%		100%



Nội dung	Dự toán				Quyết toán				So sánh(%)
	Tổng số	ĐTPT	TX	Tổng số	ĐTPT	TX	Tổng số	ĐTPT	
1	2	3	4	5	6	7	8=5/2	9=6/3	10=7/4
Mặt trận tổ quốc Việt Nam	272.150.000	0	272.150.000	272.116.510	0	272.116.510	99,99%		99,99%
Hội liên hiệp Phụ nữ	152.150.000	0	152.150.000	152.120.926	0	152.120.926	99,98%		99,98%
Hội nông dân Việt Nam	107.000.000	0	107.000.000	106.908.006	0	106.908.006	99,91%		99,91%
Hội cựu chiến binh	76.800.000	0	76.800.000	76.793.300	0	76.793.300	99,99%		99,99%
Đoàn Thanh niên công sản HCM	119.900.000		119.900.000	119.880.842		119.880.842	99,98%		99,98%
Hội người cao tuổi	48.335.600		48.335.600	48.335.600		48.335.600	100%		100%
Hội khuyến học	16.092.000		16.092.000	16.092.000		16.092.000	100%		100%
Hội chữ thập đỏ	14.065.600	0	14.065.600	14.065.600	0	14.065.600	100%		100%
Hội TNXP-CDDC	32.184.000		32.184.000	32.184.000		32.184.000	100%		100%
Chi khen thưởng	0	0	0	0	0	0			
Dự phòng	0	0	0	0	0	0			
Chi chuyển nguồn năm sau	639.236.209	0	639.236.209	639.236.209	0	639.236.209	100%		100%
Chi ngân sách xã chưa qua Kho bạc	0	0	0	0	0	0			
Tâm tng XD CB	0	0	0	0	0	0			
Tâm chi	0	0	0	0	0	0			



THỰC HIỆN THU, CHI CÁC HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH KHÁC
Năm 2021

ST T	Nội dung	KẾ HOẠCH			Thực hiện		
		Thu	Chi	Chênh lệch (+) (-)	Tổng thu	Tổng chi	Chênh lệch (+) (-)
I	Các quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách						
1	Quỹ đền ơn đáp nghĩa	22.930.000	20.940.000	1.990.000	22.930.000	20.940.000	1.990.000
2	Quỹ bảo trợ trẻ em	31.610.000	19.300.000	12.310.000	31.610.000	19.300.000	12.310.000
3	Quỹ vì người nghèo	33.430.000	33.500.000	-70.000	33.430.000	33.500.000	-70.000
4	Quỹ Nạn nhân da cam	20.280.000	43.200.000	-22.920.000	20.280.000	43.200.000	-22.920.000
5	Quỹ PC thiên tai	32.325.000	37.625.000	-5.300.000	32.325.000	37.625.000	-5.300.000
6	Quỹ Người cao tuổi	20.290.000	16.400.000	3.890.000	20.290.000	16.400.000	3.890.000
7	Quỹ nhân đạo	20.300.000	19.600.000	700.000	20.300.000	19.600.000	700.000
	Tổng cộng	181.165.000	190.565.000	-9.400.000	181.165.000	190.565.000	-9.400.000

QUYẾT TOÁN CHI ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN NĂM 2021

(Quyết toán đã được HĐND phê chuẩn)



Tên công trình	Thời gian khởi công hoàn thành	Tổng dự toán được duyệt		Giá trị thực hiện từ 01/1 đến 31/12	Giá trị đã thanh toán năm 2021			
		Tổng số	Trong đó: nguồn đóng góp		Tổng số	Trong đó thanh toán khối lượng năm trước	Chia theo nguồn vốn	
							Nguồn cân đối ngân sách	Nguồn đóng góp
Cải tạo nâng cấp đường vào nhà máy giấy Hoàng Văn Thụ TP Thái Nguyên	2019	5.327.022.225	2.031.542.626	5.078.856.564	575.597.000	575.597.000	45.358.000	530.239.000
Cải tạo mở rộng đoạn đường tiếp giáp ga Quan triều đi trường tiểu học Hoàng Văn Thụ TP Thái Nguyên	2020	2.353.146.435		2.017.201.690	500.000.000	500.000.000	500.000.000	
Cải tạo, sửa chữa nhà làm việc cấp 4 trụ sở UBND Phường Quan Triều	2019	287.730.040		287.730.040	0			